

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/CV-CPI ngày 10/01/2023 của Công ty Cổ phần Nhựa CPI về việc chỉnh sửa, bổ sung và giải trình hồ sơ cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hạt nhựa Compound Masterbatch” tại CCN Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nhựa CPI, địa chỉ tại CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hạt nhựa Compound Masterbatch” tại CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất hạt nhựa Compound Masterbatch” tại CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0700855515, Đăng ký lần đầu ngày 20/9/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 17/01/2022. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700855515.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất hạt nhựa Compound Masterbatch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án: 54.625 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất hạt nhựa Compound Masterbatch với công suất 160.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào CCN Trung Lương và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nhựa CPI

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Nhựa CPI có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Bình Lục;
- Công ty Cổ phần Nhựa CPI (*để thực hiện*);
- TT CNTT TN&MT (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Văn Long

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 01 năm 2023 của Sở TN&MT)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn của khu nhà bếp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày.đêm (theo quy hoạch).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của CCN Trung Lương đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày đêm (theo quy hoạch).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3) như sau: X = 2266543; Y = 609237.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Trung Lương phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải.

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn được thu gom, dẫn về bể lọc sinh học để xử lý, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Trung Lương dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Trung Lương công suất 2.000 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt => Bể tự hoại => Bể lọc sinh học => đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của CCN Trung Lương (*chất lượng nước thải nằm trong giới hạn cho phép tiếp nhận nước thải của CCN Trung Lương*).

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ khi hoàn thiện các hạng mục công trình.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Bể sinh học xử lý nước thải công suất 4,5m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của CCN Trung Lương. Tọa độ (*theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰*) như sau: X: 2266543, Y: 609237.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 01 năm 2023 của Sở TN&MT)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nhà xưởng sản xuất số 1
- Nguồn số 02: Nhà xưởng sản xuất số 2
- Nguồn số 03: Nhà xưởng sản xuất số 3
- Nguồn số 04: Nhà xưởng sản xuất số 4

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰):

- Nguồn số 01: Xưởng sản xuất, tọa độ X = 2266636; Y = 608967
- Nguồn số 02: Xưởng sản xuất, tọa độ X = 2266604; Y = 609015
- Nguồn số 03: Xưởng sản xuất, tọa độ X = 2266569; Y = 609069
- Nguồn số 04: Xưởng sản xuất, tọa độ X = 2266528; Y = 609130

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2 Độ rung

T T	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đề giảm tiếng ồn nhà máy sẽ kiểm tra các thiết bị, máy móc thường xuyên, đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng máy theo đúng định kỳ quy định.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 01 năm 2023 của Sở TN&MT)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu, giẻ lau dính sơn	Rắn	180201	50
2	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	080201	1
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	080204	2
4	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	160106	5
5	Pin, ắc qui thải	Rắn	190601	5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	170204	150
7	Bao bì đựng kẽm Zinc Stearate	Rắn	020403	144
8	Chất thải lẫn Zinc Stearate	Rắn	191201	24.000
Tổng				24.357

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn phát sinh từ sản phẩm lỗi, hỏng: được tái sử dụng hoàn toàn với khối lượng phát sinh khoảng 1.000 kg/tháng hay 12.000 kg/năm.

Lượng chất thải công nghiệp phát sinh của dự án chủ yếu bao gồm Giấy photo, bìa carton từ khu hành chính, Găng tay, khẩu trang cũ hỏng không chứa thành phần nguy hại, Vỏ bao nguyên liệu, bao bì, nhãn mác hỏng.... khối lượng phát sinh khoảng 660 kg/tháng tương đương 7.920 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.000 kg/tháng tương đương khoảng 12.000 kg/năm.

Thành phần chủ yếu: giấy, túi nilon, chai nhựa, vỏ hoa quả, bánh kẹo

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: tại kho CTNH

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 60m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kích thước dài x rộng = 12 x 5 (m), tường xây gạch bê tông, trát xi măng cát trong và ngoài, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm. Kho chứa CTNH có các vách ngăn, các thiết bị lưu chứa được dán mã và nhãn cảnh báo CTNH theo quy định.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp:

- Kho chứa có diện tích 60 m² (Kho có kích thước dài x rộng = 12 x 5 (m)).

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 250 lít

2.2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: 06 thùng rác dung tích 200 lít đặt tại các khu vực văn phòng, nhà bếp và các xưởng sản xuất.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố môi trường và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 01 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Công ty chỉ được phép hoạt động sản xuất sau khi hạ tầng thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Trung Lương hoàn thành và đi vào hoạt động.

6. Lắp quạt hệ thống quạt thông gió, hệ thống điều hòa đảm bảo thông thoáng nhà xưởng thoát khí nhanh đảm bảo các quy định về môi trường lao động.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.